HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20 /NQ-HĐND	*Bình Phước, ngày 09 tháng 11 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Đặt tên đường trên địa bàn thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước (đợt 2)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 7 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin về hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 172/TTr-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 46/BC-HĐND-VHXH ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đặt tên đường trên địa bàn thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước (đợt 2), gồm 80 tuyến đường *(kèm theo Phụ lục chi tiết).*

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 7 (chuyên đề) thông qua ngày 09 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp, Cục KTVB, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- TTTU, TTHĐND, UBND, Đoàn ĐBQH, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND thị xã Phước Long;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Huỳnh Thị Hằng

Phụ lục

DANH MỤC TÊN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC (ĐỢT 2)

(Kèm theo Nghị quyết số 20 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

1. Phường Long Phước: 44 tuyến

Stt	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Cấp đường
01	Hoàng Cầm	20	216	III
02	Văn Cao	13	657	IV
03	Nguyễn Phan Chánh	13	966	IV
04	Đinh Văn Chất	12	616	IV
05	Đặng Trần Côn	12	933	IV
06	Lương Định Của	12	110	IV
07	Lê Quang Định	17	437	III
08	Đoàn Nhữ Hài	10	685	IV
09	Nguyễn Hiền	12	643	IV
10	Nguyễn Thượng Hiền	14	1140	IV
11	Hồ Văn Huê	10	288	IV
12	Lê Văn Hưu	10	606	IV
13	Phan Huy Ích	12	140	IV
14	Ngô Đức Kế	13	815	IV
15	Hoàng Lệ Kha	12	529	IV
16	Phan Khôi	13	334	IV
17	Nguyễn Kim	12	135	IV
18	Phạm Ngũ Lão	19	2950	III
19	Đinh Lễ	13	561	IV
20	Châu Văn Liêm	20	222	III
21	Nguyễn Huy Lượng	12	201	IV
22	Hồ Tùng Mậu	19	582	III
23	Dương Đình Nghệ	13	2266	IV
24	Nguyễn Nghiêm	10	313	IV

Stt	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Cấp đường
25	Lê Văn Ngôn	10	435	IV
26	Ngô Thì Nhậm	19	960	III
27	Đào Nguyên Phổ	13	540	IV
28	Lê Quát	10	418	IV
29	Lê Thị Riêng	12	125	IV
30	Nguyễn Văn Siêu	12	130	IV
31	Đặng Tất	10	407	IV
32	Trần Quốc Thảo	17	1300	III
33	Nguyễn Thi	13	508	IV
34	Lương Khánh Thiện	10	302	IV
35	Nguyễn Thông	10	557	IV
36	Mai Xuân Thưởng	13	338	IV
37	Hàn Thuyên	10	626	IV
38	Vũ Như Tô	12	147	IV
39	Đinh Công Tráng	20	1027	III
40	Võ Trứ	13	772	IV
41	Nguyễn Huy Tự	12	195	IV
42	Phan Bá Vành	10	636	IV
43	Hùng Vương	32	6125	I
44	Tú Xương	19	1650	III

2. Phường Phước Bình: 03 tuyến

Stt	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Cấp đường
01	Âu Cơ	20	3800	III
02	Thích Quảng Đức	12	400	IV
03	Phạm Thế Hiển	13	1000	IV

3. Phường Sơn Giang: 08 tuyến

Stt	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Cấp đường

Stt	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Cấp đường
01	Lương Văn Can	12	290	IV
02	Tàu Ô	22	576	II
03	Huỳnh Mẫn Đạt	12	654	IV
04	Cao Xuân Huy	12	370	IV
05	Phan Đăng Lưu	22	725	II
06	Triệu Quang Phục	12	1892	IV
07	Lạc Long Quân	19	1620	III
08	Phạm Phú Thứ	12	240	IV

4. Phường Long Thủy: 06 tuyến

Stt	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Cấp đường
01	Nguyễn Văn Giáp	10	390	IV
02	Cù Chính Lan	19	360	III
03	Hồ Huân Nghiệp	13	2000	IV
04	Xô Viết Nghệ Tĩnh	19	1260	III
05	Phạm Hồng Thái	19	310	III
06	Nguyễn Xí	10	345	IV

5. Phường Thác Mơ: 02 tuyến

Stt	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Cấp đường
01	Huỳnh Khương An	09	700	IV
02	Nguyễn Văn Huyên	10	170	IV

6. Xã Long Giang: 16 tuyến

Stt	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Cấp đường
01	Lê Chân	15	290	IV
02	Hồ Biểu Chánh	15	390	IV
03	Huyền Trân Công Chúa	14	1082	IV
04	Tôn Thất Đạm	15	640	IV
05	Phan Văn Đạt	15	240	IV

Stt	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Cấp đường
06	Trần Khánh Dư	19	580	III
07	Võ Duy Dương	15	200	IV
08	Tăng Bạt Hổ	15	892	IV
09	Phan Đình Phùng	19	940	III
10	Lương Ngọc Quyến	15	460	IV
11	Tống Duy Tân	15	720	IV
12	Lý Đạo Thành	15	330	IV
13	Chu Mạnh Trinh	15	695	IV
14	Đào Duy Từ	19	1580	III
15	Bùi Đắc Tuyên	12	550	IV
16	Bùi Viện	15	170	IV

7. Xã Phước Tín: 01 tuyến

Stt	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Cấp đường
01	Mạc Đăng Dung	22	1900	III